TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 17/6/2021.
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Bích Duyên
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Xươnne.
2. Ông Thiều Hoàng Mới.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Tư– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên toà: Ông Dương Thanh Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 128/2021/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 3 năm 2021 về "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17/5/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 130/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 08/6/2021, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Lâm Thị Hồng T, sinh năm 1981 (có mặt).
Địa chỉ: ấp A, thị trấn S, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.
Chỗ ở hiện nay: ấp M, xã H, huyện K, tỉnh Sóc Trăng
* *Bị đơn*: Lâm Văn V, sinh năm 1977 (vắng mặt).
Địa chỉ: ấp A, thị trấn S, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, qua xem xét lời khai và yêu cầu của các đương sự, qua xét hỏi trước tòa, nội dung vụ án được xác định như sau:

Năm 2000 bà Lâm Thị Hồng T và ông Lâm Văn V tự nguyện tổ chức đám cưới nhưng đến năm 2011 ông bà mới đi đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện K cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 162, cấp ngày 23/9/2011. Quá trình chung sống, bà T và ông V có hai người con chung là Lâm Thị Bích H (Nữ), sinh ngày 17/05/2001 và Lâm Phú Q (Nam), sinh ngày 16/09/2011, hai con đang sống với bà T.

Sau khi kết hôn ông, bà có thời gian dài chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, đến giữa năm 2020 hai bên bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên bà T khởi kiện yêu cầu giải quyết cho bà được ly hôn với ông V; Về con chung: Bà T yêu cầu trực

tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lâm Phú Q, sinh ngày 16/09/2011 và không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung tên Lâm Thị Bích H, sinh ngày 17/05/2001 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lâm Thị Hồng T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn Lâm Văn V: Theo Biên bản lấy lời khai ngày 17/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng thì ông V trình bày ý kiến như sau: Về thời gian kết hôn, thủ tục kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn và về con chung đúng như bà T trình bày, ông và bà T đã sống ly thân khoảng vài tháng nay. Đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà T thì ông đồng ý ly hôn, vì ông và bà T đã không thể hàn gắn được; Về con chung: Con chung tên Lâm Thị Bích H, sinh ngày 17/5/2001 hiện nay đã trưởng thành, phát triển bình thường về thể chất cũng như tinh thần nên ông không có yêu cầu gì. Đối với con chung tên Lâm Phú Q, sinh ngày 16/9/2011 hiện nay đang sống chung với bà T và bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi con thì ông đồng ý, ông không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa, do ông V vắng mặt nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- *Về thủ tục tố tụng*: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, quan hệ tranh chấp, thu thập chứng cứ. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Đối với bị đơn: Không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án*: Đề nghị Hội đồng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho bà T được ly hôn chồng là ông V. Về con chung: Con chung tên Lâm Thị Bích H (Nữ), sinh ngày 17/05/2001 đã trưởng thành phát triển bình thường về thể chất cũng như tinh thần nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Giao con chung tên Lâm Phú Q, sinh ngày 16/9/2011 cho bà T trực tiếp nuôi con, ghi nhận việc bà T không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- *Về án phí sơ thẩm*: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy tại phiên tòa bị đơn là ông Lâm Văn V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt ông Lâm Văn V.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Thị Hồng T và ông Lâm Văn V tổ chức đám cưới, tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên được pháp luật công nhận hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, bà T và ông V phát sinh nhiều mâu thuẫn, nhưng ông bà không tìm biện pháp hàn gắn dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và kéo dài. Mặt khác, ông V đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để tham gia phiên hòa giải nhằm tạo điều kiện cho vợ chồng ông bà gặp nhau để tìm biện pháp hàn gắn, để vợ chồng đoàn tụ, vì quan hệ hôn nhân là phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên nhưng ông V không tham gia.

Từ đó cho thấy, sau khi phát sinh mâu thuẫn ngày càng trầm trọng thì bà T và ông V không tìm biện pháp hàn gắn mối quan hệ vợ chồng dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu được ly hôn của bà T.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà T và ông V có 02 người con chung tên Lâm Thị Bích H, sinh ngày 17/5/2001 và Lâm Phú Q, sinh ngày 16/9/2011.

Xét thấy, từ khi bà T và ông V sống ly thân đến nay thì cháu Quý vẫn sống chung với bà T, được bà T chăm sóc, nuôi dưỡng tốt và bà T có yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung tên Q. Theo Biên bản lấy lời khai ngày 13/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách thì cháu Q có trình bày ý kiến là cháu đang sống chung với mẹ cháu là bà T, cháu có nguyện vọng muốn được tiếp tục sống chung với mẹ sau khi cha mẹ cháu ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy việc giao cháu Q cho bà T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là cần thiết để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và ổn định môi trường sống cho cháu Q cũng như phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu Q cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Ghi nhận việc bà T không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung tên Lâm Thị Bích H, sinh ngày 17/5/2001 đã trưởng thành, phát triển bình thường về thể chất và tinh thần, nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát: Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách như đã phân tích trên.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, 228; Điều 271, 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án..

TUYÊN XỬ:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Lâm Thị Hồng T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Thị Hồng T được ly hôn với ông Lâm Văn V.

2. Về con chung: Con chung tên Lâm Thị Bích H, sinh ngày 17/5/2001 đã trưởng thành, phát triển bình thường về thể chất và tinh thần, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết. Giao con chung tên Lâm Phú Q, sinh ngày 16/9/2011 cho bà Lâm Thị Hồng T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi. Ghi nhận việc bà T không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con. Ông Lâm Văn V được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Án phí sơ thẩm: Bà Lâm Thị Hồng T phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà bà T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009709 ngày 22/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Bà T đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bà T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt (ông Lâm Văn V) được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật, để Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a ,7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- UBND thị trấn S, huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tô Thị Bích Duyên